

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Bà Trần Thị Bích Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn H1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã M, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số B, trại giam N, tổ dân phố D, phường N, tỉnh Ninh Bình (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Tôi và anh Phan Văn H1 tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 10/2015 đến ngày 13/5/2016 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 nghiện chất ma túy từ đó dẫn đến kinh tế vợ chồng sa sút, tôi đã khuyên bảo anh H1 nhiều lần về việc bỏ ma túy nhưng anh H1 không bỏ được từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Năm 2022 anh H1 đã đi cai nghiện ma túy tại thị trấn Y, tỉnh Yên Bái đến khoảng tháng 01/2024 anh H1 đi cai nghiện về, sau khi cai nghiện về anh H1 lại tái nghiện đến tháng 8/2024 anh H1 lại bị bắt liên quan đến ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại Đội 30, phân trại số B, trại giam N, phường N, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian anh H1 chấp hành án tôi cũng không đến thăm nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể

tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H1.

Về con chung: Có 02 cháu Phan Thị Linh N sinh ngày 28/6/2016; Phan Anh V sinh ngày 16/02/2018. Hiện nay hai con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm nghề tự do thu nhập 8.000.000 đồng một tháng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H nhận chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn anh Phan Văn H1 trình bày: Tôi và cô Phạm Thị Thu H đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chúng tôi về sinh sống tại thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là xã M, tỉnh Lào Cai. Chúng tôi chung sống khoảng 07 năm hạnh phúc, sau đó tôi sa vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường cãi lộn và đã sống ly thân. Hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cô Phạm Thị Thu H có nguyện vọng ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung Phan Thị Linh N sinh năm 2014; Phan Anh V sinh năm 2018. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao hai con cho chị Phạm Thị Thu H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Phan Văn H1.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phan Thị Linh N và cháu Phan Anh V cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Phan Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 đều xác nhận không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn có

đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 13 tháng 5 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh H1 đều cho rằng hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị H xin ly hôn. Anh H1 đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh H1 đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh H1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Phan Thị Linh N sinh ngày 28/6/2016 và cháu Phan Anh V sinh ngày 16/02/2018. Khi ly hôn chị H nhận nuôi con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Anh H1 đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được đầy đủ, ổn định và theo nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ là chị H. Do vậy cần giao hai cháu N và V cho chị H nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng về nuôi con chung của chị H không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 đều xác nhận không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Phan Văn H1.

2. Về con chung: Có 02 cháu Phan Thị Linh N sinh ngày 28/6/2016 và cháu Phan Anh V sinh ngày 16/02/2018.

Xử giao cháu Phan Thị Linh N và cháu Phan Anh V cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Phan Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 150.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đồng mà chị Phạm Thị Thu H đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo biên lai thu số: 0001279 ngày 14 tháng 10 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Các đương sự;
- UBND xã M
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

